

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/KDTM-ST

Ngày: 12-5-2020

V/v tranh chấp Hợp đồng tín
dụng.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Đức Toàn.

2. Bà Phạm Thị Thu.

Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Quỳnh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Hà Vĩnh Châm - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2020/TLST-KDTM ngày 31/12/2019 về việc: “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐXXST - KDTM ngày 28 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2020/QĐST-KDTM ngày 25/3/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP K

Địa chỉ: Phố K, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nghiêm Xuân T - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Bá Q - Giám đốc Ngân hàng TMCP K - Chi nhánh Thái Bình.

Theo văn bản ủy quyền số 262/UQ-VCB-PC ngày 18/6/2018 của Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP K.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Đỗ Duy H - Trưởng phòng khách hàng doanh nghiệp - Ngân hàng TMCP K - Chi nhánh Thái Bình (có mặt)

Theo văn bản ủy quyền số 678/UQ-TBI-KH ngày 22/5/2019 của Giám đốc Ngân hàng TMCP K-Chi Nhánh Thái Bình.

2. *Bị đơn*: Ông Phạm Thanh B, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị Tổ N, sinh năm 1977 (đều vắng mặt)

Đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Khu A, thị trấn V, huyện T, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*) Tại đơn khởi kiện, lời khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình, thì Nguyên đơn là Ngân hàng TMCP K trình bày và có yêu cầu cụ thể như sau:

Giữa Ngân hàng TMCP K (gọi tắt là Ngân hàng K) - Chi nhánh Thái Bình với ông Phạm Thanh B và bà Nguyễn Thị Tổ N có quan hệ tín dụng từ năm 2015. Ngày 31/7/2017, Ngân hàng K với ông B và bà N ký kết Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 021/20/17/00446, theo đó, Ngân hàng K cho ông B và bà N vay vốn để thanh toán các chi phí kinh doanh Vật liệu xây dựng các loại. Cụ thể như sau:

- Hạn mức cho vay: 600.000.000 đồng.

- Mục đích sử dụng: Thanh toán các chi phí vốn lưu động phục vụ kinh doanh Vật liệu xây dựng.

- Thời hạn cho vay: 06 tháng.

- Lãi suất cho vay:

- + Lãi trong hạn: Là lãi suất cho vay ngắn hạn theo thông báo lãi suất của VCB Thái Bình tại thời điểm rút vốn và cố định trong thời hạn hiệu lực của từng Giấy nhận nợ. Lãi vay được tính trên số dư nợ thực tế nhân lãi suất cho vay tính theo tháng nhân số ngày vay thực tế chia 30 ngày, hoặc lãi suất cho vay tính theo năm nhân số ngày vay thực tế chia 360 ngày.

- + Lãi quá hạn: Đối với nợ gốc quá hạn, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Đối với nợ lãi quá hạn, lãi suất quá hạn là 0% tháng.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông B và bà N đã thế chấp tài sản theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 15.0176/KHTN-VCBTB ngày 14/5/2016. Cụ thể như sau:

1. Quyền sử dụng 72,45 m² đất ở, thửa đất số 350, tờ bản đồ số 03, tại địa chỉ: Khu A, thị trấn V, huyện T, tỉnh Thái Bình, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 304985 do UBND huyện T cấp ngày 31/07/2009 mang tên ông Phạm Thanh B và bà Nguyễn Thị Tố N.

2. Nhà ở: 01 ngôi nhà 3 tầng mái bằng, tường gạch, bê tông cốt thép, công trình phụ khép kín có diện tích sử dụng 180m² thuộc quyền sở hữu của ông Phạm Thanh B và bà Nguyễn Thị Tố N.

Sau khi các thủ tục vay vốn được hoàn tất, Ngân hàng K đã giải ngân toàn bộ số tiền gốc là 600.000.000 đồng cho ông B và bà N. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông B và bà N đã trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận. Đến ngày 13/9/2017, ông B và bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết trong hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng K đã chuyển khoản vay còn lại sang nợ quá hạn. Ngay sau khi khoản vay chuyển nợ quá hạn, Ngân hàng K đã nhiều lần gửi thông báo nhắc nợ, làm việc trực tiếp, tạo mọi điều kiện để ông B và bà N trả nợ nhưng ông B và bà N không thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng K, Ngân hàng K cũng nhiều lần yêu cầu ông B và bà N bàn giao tài sản thế chấp (lần cuối cùng vào ngày 06/8/2018) để Ngân hàng K xử lý theo quy định của pháp luật nhưng ông B và bà N không thực hiện.

Như vậy, từ khi Ngân hàng K giải ngân số tiền vay là 600.000.000 đồng, ông B và bà N đã trả được 469.650.000 đồng, số tiền gốc còn nợ là 130.050.000 đồng, từ ngày 30/10/2018 đến nay, Ngân hàng K nhiều lần yêu cầu trả nợ, ngày 26/01/2020 ông B và bà N trả 52.519 đồng tiền gốc, ngày 06/3/2020 trả 15.000.000 đồng tiền gốc. Do đó, tính đến ngày xét xử sơ thẩm 12/5/2020, ông B và bà N còn nợ Ngân hàng K tổng số tiền 189.692.734 đồng; trong đó: Nợ gốc là 114.997.481 đồng, nợ lãi trong hạn là 51.845.226 đồng, lãi quá hạn là 22.652.027 đồng.

Vì vậy, Ngân hàng K khởi kiện ra Tòa án yêu cầu ông B và bà N như sau:

1. Buộc ông Phạm Thanh B và bà Nguyễn Thị Tố N phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng K với tổng số tiền (tính đến ngày 12/5/2020) là: 189.692.734 đồng; trong đó: Nợ gốc là 114.997.481 đồng, nợ lãi trong hạn là 51.845.226 đồng, lãi quá hạn là 22.652.027 đồng.

2. Buộc ông Phạm Thanh B và bà Nguyễn Thị Tố N phải trả toàn bộ các khoản nợ lãi, lãi quá hạn, phí phát sinh theo mức lãi suất đã thoả thuận tại Hợp đồng tín dụng nêu trên kể từ ngày Toà ra bản án cho đến ngày ông Phạm Thanh B và bà Nguyễn Thị Tố N thực hiện xong tất cả các nghĩa vụ.

3. Trường hợp ông Phạm Thanh B và bà Nguyễn Thị Tố N không thực hiện, hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án của Toà án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng K có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý toàn bộ tài sản của ông B và bà N thế chấp tại Ngân hàng K để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo của ông B và bà N không đủ trả nợ cho Ngân hàng K thì Ngân hàng K có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu của ông B và bà N để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

*) Bị đơn là ông Phạm Thanh B và bà Nguyễn Thị Tố N trình bày:

Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp tài sản, việc giải ngân của Ngân hàng mà ông bà đã ký kết với Ngân hàng K như Ngân hàng đã trình bày là đúng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên, do việc kinh doanh gặp nhiều khó khăn nên ông bà đã không trả được nợ cho Ngân hàng như Ngân hàng đã trình bày là đúng. Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng K, ông bà đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện để ông bà trả nợ theo tháng, mỗi tháng trả từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng, thời gian trả từ ngày 20 đến ngày 25 hàng tháng và bắt đầu trả từ tháng 02/2020 cho đến khi trả hết toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng.

*) Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ thể hiện:

1. Thửa đất số 25 (số 350 cũ), tờ bản đồ số 28 (số 03 cũ), diện tích đất là $72,40m^2$ (cũ là $72,45m^2$). Lý do diện tích đất giảm $0,05m^2$ là do sai số trong đo đạc, tính toán. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK304985 ngày 31/7/2009 mang tên ông Phạm Thanh B và bà Nguyễn Thị Tố N tại địa chỉ: Khu A, thị trấn V, huyện T, tỉnh Thái Bình.

2. Tài sản trên đất: 01 ngôi nhà mái bằng 03 tầng xây năm 2009 trên toàn bộ diện tích $72,40m^2$ đất, tường xây 20cm, khung cột bê tông cốt thép, công trình phụ khép kín, diện tích sử dụng là $180m^2$.

Hiện tại, diện tích đất và tài sản trên đất không có tranh chấp với các hộ liền kề và với những người khác, không làm thủ tục chuyển nhượng, tặng cho ai.

*) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến tại phiên tòa giải quyết vụ án kinh doanh thương mại:

1. Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

2. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 147; 203; 227; 228; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 điều 319; điều 322; các điều 463; 466; 468 của Bộ luật Dân sự; các điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; các điều 24; 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điều 30 Luật thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng K: Xử buộc ông Phạm Thanh B và bà Nguyễn Thị Tố N phải trả cho Ngân hàng K (tính đến ngày xét xử sơ thẩm 12/5/2020) tổng số tiền 189.692.734 đồng; trong đó: Nợ gốc là 114.997.481 đồng, nợ lãi trong hạn là 51.845.226 đồng, lãi quá hạn là 22.652.027 đồng.

2. Trong trường hợp ông B và bà N không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ cho Ngân hàng K thì Ngân hàng K có quyền xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

3. Bên phải thi hành án phải tiếp tục chịu khoản lãi kể từ sau ngày tuyên án sơ thẩm đối với khoản nợ gốc cho đến khi thanh toán xong, theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

4. Ông B và bà N phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định. Trả lại Ngân hàng K số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng K, Hội đồng xét xử thấy: Ngày 31/7/2017, Ngân hàng K cùng với ông Phạm Thanh B và bà Nguyễn Thị Tố N ký kết Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 021/20/17/00446, theo đó, Ngân hàng đã duyệt và cho ông B và bà N vay số tiền 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng), thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày rút vốn vay đến ngày bên vay trả xong nợ tính cho từng lần rút vốn ghi trên giấy nhận nợ. Lãi trong hạn: Là lãi suất cho vay ngắn hạn theo thông báo lãi suất của Ngân hàng K tại thời điểm rút vốn và

cổ định trong thời hạn hiệu lực của từng Giấy nhận nợ. Lãi vay được tính trên số dư nợ thực tế nhân lãi suất cho vay tính theo tháng nhân số ngày vay thực tế chia 30 ngày, hoặc lãi suất cho vay tính theo năm nhân số ngày vay thực tế chia 360 ngày. Lãi quá hạn: Đối với nợ gốc quá hạn, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Đối với nợ lãi quá hạn, lãi suất quá hạn là 0% tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông B và bà N không trả được nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng. Do ông B và bà N không thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ như đã ký kết, đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng nên từ ngày 13/9/2017, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ gốc sang nợ quá hạn với mức lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, do đó, tính đến ngày 12/5/2020, ông B và bà N còn nợ Ngân hàng K tổng số tiền là 189.692.734 đồng; trong đó: Nợ gốc là 114.997.481 đồng, nợ lãi trong hạn là 51.845.226 đồng, lãi quá hạn là 22.652.027 đồng.

[2] Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ông B và bà N đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện để ông bà trả nợ theo tháng, mỗi tháng trả từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng, thời gian trả từ ngày 20 đến ngày 25 hàng tháng và bắt đầu trả từ tháng 02/2020 cho đến khi trả hết toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng nhưng đại Ngân hàng K không đồng ý và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông B và bà N phải trả cho Ngân hàng K toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn và nợ lãi quá hạn. Như vậy, ông B và bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 021/20/17/00446/VCB-TB ngày 31/7/2017 là vi phạm nghĩa vụ của bên vay, vi phạm Luật các tổ chức tín dụng, vi phạm cam kết của bên vay tiền. Do đó, cần buộc ông Phạm Thanh B và bà Nguyễn Thị Tố N phải trả cho Ngân hàng K (tính đến ngày xét xử sơ thẩm 12/5/2020) tổng số tiền là 189.692.734 đồng; trong đó: Nợ gốc là 114.997.481 đồng, nợ lãi trong hạn là 51.845.226 đồng, lãi quá hạn là 22.652.027 đồng là phù hợp với các điều 463; 466; 468 của Bộ luật Dân sự và điều 91, điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

[3] Xét Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số 15.0176/KHTN-VCB-TB ngày 14/5/2016 được ký kết giữa Ngân hàng K với ông Phạm Thanh B và bà Nguyễn Thị Tố N, Hội đồng xét xử thấy: Ông B và bà N thế chấp quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất để bảo lãnh cho khoản vay của ông bà, cụ thể: 1) Quyền sử dụng 72,40 m² đất ở, thửa đất số 350, tờ bản đồ số 03, tại địa chỉ: Khu A, thị trấn V, huyện T,

tỉnh Thái Bình, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 304985 do UBND huyện T cấp ngày 31/07/2009 mang tên ông Phạm Thanh B và bà Nguyễn Thị Tố N. 2) 01 ngôi nhà 3 tầng mái bằng, tường gạch, bê tông cốt thép, công trình phụ khép kín có diện tích sử dụng 180m² thuộc quyền sở hữu của ông Phạm Thanh B và bà Nguyễn Thị Tố N. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất này đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất là phù hợp với điều 323 Bộ luật Dân sự, phù hợp với điểm a khoản 1 Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 của Chính Phủ hướng dẫn về đăng ký giao dịch bảo đảm. Vì vậy, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số 15.0176/KHTN-VCBTB ngày 14/5/2016 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP K với ông Phạm Thanh B và bà Nguyễn Thị Tố N có hiệu lực, đã phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Trường hợp ông B và bà N không trả được nợ thì Ngân hàng TMCP K có quyền xử lý các tài sản thế chấp này theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K được chấp nhận toàn bộ nên Ngân hàng TMCP K không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng TMCP K số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp. Ông Phạm Thanh B và bà Nguyễn Thị Tố N phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 147; 203; 227; 228; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 điều 319; điều 322; các điều 463; 466; 468 của Bộ luật Dân sự; các điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; các điều 24; 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điều 30 Luật thi hành án dân sự:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K: Xử buộc ông Phạm Thanh B và bà Nguyễn Thị Tố N phải trả cho Ngân hàng TMCP K (tính đến ngày xét xử sơ thẩm 12/5/2020) tổng số tiền là **189.692.734** đồng; trong đó:

Nợ gốc là 114.997.481 đồng, nợ lãi trong hạn là 51.845.226 đồng, lãi quá hạn là 22.652.027 đồng.

2. Bên phải thi hành án phải tiếp tục chịu khoản lãi kể từ sau ngày tuyên án sơ thẩm đối với khoản nợ gốc cho đến khi thanh toán xong, theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng.

3. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông Phạm Thanh B và bà Nguyễn Thị Tố N không trả được số tiền nợ cho Ngân hàng TMCP K thì Ngân hàng TMCP K có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số 15.0176/KHTN-VCBTB ngày 14/5/2016 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP K với ông Phạm Thanh B và bà Nguyễn Thị Tố N để đảm bảo thi hành án theo quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

3.1. Quyền sử dụng 72,40 m² đất ở, thửa đất số 350, tờ bản đồ số 03, tại địa chỉ: Khu A, thị trấn V, huyện T, tỉnh Thái Bình, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 304985 do UBND huyện T cấp ngày 31/07/2009 mang tên ông Phạm Thanh B và bà Nguyễn Thị Tố N.

3.2. Nhà ở: 01 ngôi nhà 3 tầng mái bằng, tường xây gạch 20cm, bê tông cốt thép, công trình phụ khép kín có diện tích sử dụng 180m² thuộc quyền sở hữu của ông Phạm Thanh B và bà Nguyễn Thị Tố N.

4. Về án phí:

4.1. Trả lại Ngân hàng TMCP K số tiền 4.500.000 đồng tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009668 ngày 25/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

4.2. Ông Phạm Thanh B và bà Nguyễn Thị Tố N phải nộp 9.484.636 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự ; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Nguyên đơn là Ngân hàng TMCP K có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 12/5/2020. Bị đơn là ông Phạm Thanh B và bà Nguyễn Thị Tố N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND TP.Thái Bình;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP.T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Hồng Thái